



## BIỂU CƯỚC DỊCH VỤ (SERVICE TARIFF)

Ngày áp dụng / effective date: 1 tháng 6, 2025

### I. CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNG RỜI (I. GENERAL CARGO RELATED CHARGES)

STT (SQ)	TÊN DỊCH VỤ (Service Name)	MÔ TẢ DỊCH VỤ (Service Description)	ĐƠN GIÁ (Price)		ĐƠN VỊ TÍNH (UOM)	GHI CHÚ (Remarks)
			USD	VND		
1	<b>Hàng thép cuộn</b>	<b>Steel coil</b>				
	Phí xếp dỡ hàng từ xe lên tàu, sử dụng cầu tàu	Loading cargo from truck onto vessel, using ship crane	2.20	57,640	MT	Bao gồm nhân công và vật liệu (labour and materials)
	Phí xếp dỡ hàng từ sà lan lên tàu, sử dụng cầu tàu	Loading cargo from barge onto vessel, using ship crane	2.42	63,404	MT	
	Xe nâng trong hầm tàu để di chuyển hàng vào vị trí bên trong	Forklift in hold to move the cargo to inside line	0.57	15,000	MT	
	Xe nâng tại cầu cảng để phân tách hàng (2-3 cuộn/xe tải) trước khi bốc lên tàu	Forklift at the wharf to split the cargo (2-3 coils/truck) before loading	0.57	15,000	MT	
	Phí chèn lót cố định hàng	Chocking fee	0.46	12,000	MT	
	Phí chằng buộc hàng	Lashing fee	1.37	36,000	MT	
	Phí kiểm đếm hàng	Tally fee	0.25	6,550	MT	
Phí thuê cầu bờ	Shore crane rental fee	1.00	26,200	MT		
2	<b>Hàng thép ống</b>	<b>Steel pipe</b>				
	Phí xếp dỡ hàng từ xe lên tàu, sử dụng cầu tàu	Loading cargo from truck onto vessel, using ship crane	2.64	69,168	MT	Bao gồm nhân công và vật liệu (labour and materials)
	Phí xếp dỡ hàng từ sà lan lên tàu, sử dụng cầu tàu	Loading cargo from barge onto vessel, using ship crane	2.90	76,085	MT	
	Xe nâng trong hầm tàu để di chuyển hàng vào vị trí bên trong	Forklift in hold to move the cargo to inside line	0.66	17,250	MT	
	Phí chằng buộc hàng	Lashing fee	3.11	81,600	MT	
	Phí kiểm đếm hàng	Tally fee	0.25	6,550	MT	
Phí thuê cầu bờ	Shore crane rental fee	1.00	26,200	MT		
3	<b>Hàng thiết bị, hàng rời</b>	<b>Equipment, Breakbulk</b>				
	Phí xếp dỡ hàng từ xe lên tàu, sử dụng cầu tàu	Loading cargo from truck onto vessel, using ship crane	3.60	94,320	CBM	
	Phí xếp dỡ hàng từ sà lan lên tàu, sử dụng cầu tàu	Loading cargo from barge onto vessel, using ship crane	3.96	103,752	CBM	
	Phí xếp dỡ hàng từ xe lên tàu, sử dụng cầu bờ	Loading cargo from truck onto vessel, using shore crane	4.60	120,520	CBM	
	Phí xếp dỡ hàng từ sà lan lên tàu, sử dụng cầu bờ	Loading cargo from barge onto vessel, using shore crane	4.96	129,952	CBM	
	Phí kiểm đếm hàng	Tally fee	0.45	11,790	MT	
	Phí thuê cầu bờ	Shore crane rental fee	1.30	34,060	MT	
4	<b>Hàng thép cuộn (2 tấn/cuộn)</b>	<b>Steel roll (2 tons/roll)</b>				
	Phí xếp dỡ hàng từ tàu lên xe, sử dụng cầu tàu	Discharging cargo from vessel onto truck using ship crane	2.20	57,640	MT	
	Phí dỡ hàng từ xe xuống bãi	Unloading from truck onto yard	1.50	39,300	MT	
	Phí xếp hàng từ bãi lên xe	Loading cargo from yard onto truck	1.50	39,300	MT	
	Phí kiểm đếm hàng	Tally fee	0.25	6,550	MT	
	Phí cân hàng	Weighing fee (if any)	0.20	5,240.0	MT	
	Xe nâng tại hầm tàu, cầu bến (7 Tấn)	Forlift (7 tons) in hold, wharf (if any)	0.57	15,000	MT	
	Phí thuê cầu bờ	Shore crane rental fee (if any)	1.00	26,200	MT	
5	<b>Hàng dự án, siêu cường siêu trọng</b>	<b>Project / OOG cargo</b>				
	Phí xếp dỡ hàng từ tàu lên xe, sử dụng cầu tàu	Discharging cargo from vessel onto truck using ship crane	3.50	91,700	CBM	
	Phí dỡ hàng từ xe xuống bãi	Unloading from truck onto yard	1.34	35,000	CBM	
	Phí xếp hàng từ bãi lên xe	Loading cargo from yard onto truck	1.34	35,000	CBM	
	Phí thuê cầu bờ (nếu có), sức nâng dưới móc cầu từ 65 - 80 tấn	Shore crane rental fee (if any), capacity under hook 65 - 80 tons	2.00	52,400	MT	
6	<b>Phí lưu bãi</b>	<b>Yard storage fee</b>				
	Phí lưu bãi cho hàng máy móc thiết bị, hàng rời	Yard storage for equipment, breakbulk	0.30	7,860	TON/DAY	Miễn phí 7 ngày đầu tiên/7first day free of charge

- The service prices in this tariff are retail prices and do not include VAT. VAT will be calculated according to current regulations at the time of invoice issuance.

- Giá dịch vụ trong biểu cước này là giá bán lẻ và chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế GTGT sẽ được tính theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.

- Other items not specified in this tariff are based on agreement between SPCT and customer.

- Các khoản khác chưa quy định trong biểu cước này được xây dựng trên cơ sở thỏa thuận giữa SPCT và khách hàng.

- Biểu giá này có hiệu lực từ ngày 01/06/2025 đến khi có thông báo mới.

- This tariff is effective from Jun 01, 2025 until further notice.

GENERAL DIRECTOR

BENOIT KLEIN